BẢN ĐỒ
TÍCH HỢP CÁC QUY HOẠCH CHI TIẾT, ĐẶT TÊN ĐƯỜNG VÀO QUY HOẠCH CHUNG THỊ TRẤN ĐĂK ĐOA, ĐỂ QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ LOẠI IV

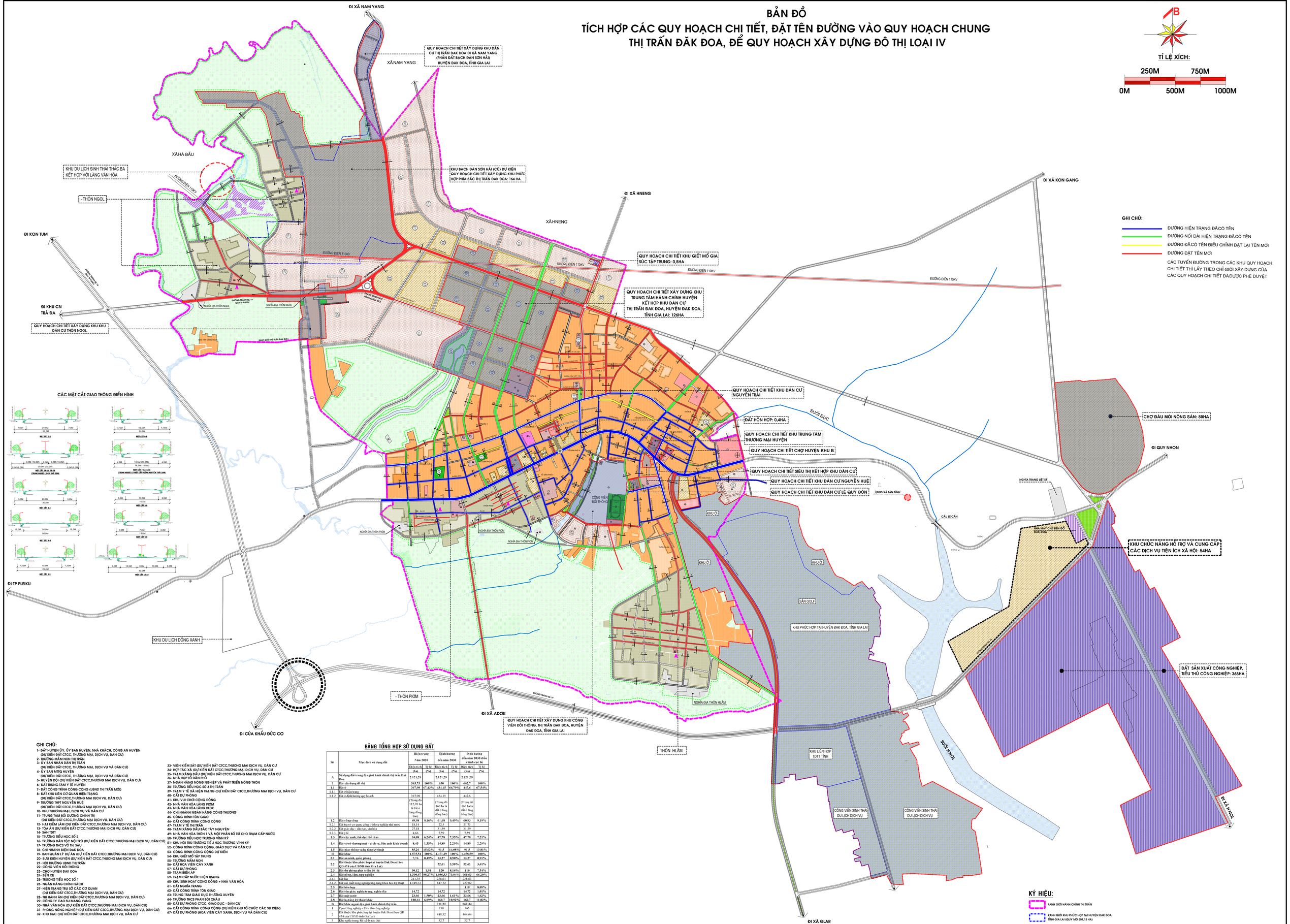

GHI CHÚ:

1- ĐẤT HUYỆN ỦY, ỦY BAN HUYỆN, NHÀ KHÁCH, CÔNG AN HUYỆN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
2- TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẤN.
3- ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ DÂN CƯ)
4- ỦY BAN MTTQ HUYỆN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ DÂN CƯ)
5- HUYỆN ĐỘI (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
6- ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
7- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (UBND THỊ TRẤN MỚI)
8- ĐẤT KHU LIÊN CƠ QUAN HIỆN TRẠNG (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
9- TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
10- KHU THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ DÂN CƯ
11- TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
12- HẠT KIỂM LÂM (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
13- TÒA ÁN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
14- SÂN TDTT
15- TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2
16- TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
17- TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU
18- CHI NHÁNH ĐIỆN ĐAK DOA
19- BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
20- BƯU ĐIỆN HUYỆN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
21- HỘI TRƯỜNG UBND THỊ TRẤN
22- CÔNG VIÊN ĐỒI THÔNG
23- CHỢ HUYỆN ĐAK DOA
24- BẾN XE
25- TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1
26- NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH
27- HIỆN TRẠNG TRỤ SỞ CÁC CƠ QUAN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
28- THI HÀNH ÁN (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
29- CÔNG TY CAO SU MANG YANG
30- NHÀ VĂN HÓA (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
31- PHÒNG NÔNG NGHIỆP (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ)
32- KHO BẠC (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ
33- VIỆN KIỂM SÁT (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ
34- HỢP TÁC XÃ (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ
35- TRẠM XĂNG DẦU (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ
36- NHÀ HỘP TỔ DÂN PHỐ
37- NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
38- TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 3 THỊ TRẤN
39- TRẠM Y TẾ XÃ HIỆN TRẠNG (DỰ KIẾN ĐẤT CTCC,THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DÂN CƯ
40- ĐẤT DỰ PHÒNG
41- KHU VUI CHƠI CÔNG ĐỒNG
42- NHÀ VĂN HÓA LÀNG PIOM
43- NHÀ VĂN HÓA LÀNG KLOK
44- CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG
45- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
46- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
47- TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN
48- TRẠM XĂNG DẦU BẮC TÂY NGUYÊN
49- NHÀ VĂN HÓA THÔN 1 VÀ MỘT PHẦN BỐ TRÍ CHO TRẠM CẤP NƯỚC
50- TRƯỜNG TIỂU HỌC TRƯNG VƯƠNG KỲ
51- KHU NỘI TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC TRƯNG VƯƠNG KỲ
52- CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, GIÁO DỤC VÀ DÂN CƯ
53- CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG DỰ KIẾN
54- KHU GIẾT MỔ TẬP TRUNG
55- TRƯỜNG MẦM NON
56- ĐẤT HOA VIÊN CÂY XANH
57- ĐẤT DỰ PHÒNG
58- TRẠM BIẾN ÁP
59- TRẠM CẤP NƯỚC HIỆN TRẠNG
60- KHU SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG + NHÀ VĂN HÓA
61- ĐẤT NGHĨA TRANG
62- ĐẤT CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
63- TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
64- TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU
65- ĐẤT DỰ PHÒNG CTCC, GIÁO DỤC - DÂN CƯ
66- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (DỰ KIẾN KHU TỔ CHỨC CÁC SỰ KIỆN)
67- ĐẤT DỰ PHÒNG (HOA VIÊN CÂY XANH, DỊCH VỤ VÀ DÂN CƯ)

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng Năm 2020		Định hướng đến năm 2030		Định hướng đến năm 2030 điều chỉnh cục bộ	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Sử dụng đất trong địa giới hành chính thị trấn Đăk Doa	2.123,29		2.123,29		2.123,29	
I	Đất xây dựng đô thị	545,75	100%	650	100%	662,7	100%
1.1	Đất ở	367,98	67,43%	434,15	66,79%	447,6	67,54%
1.1.1	Đất ở hiện trạng						
1.1.2	Đất ở định hướng quy hoạch	367,98		434,15		447,6	
		(Trong đó 112,70 ha là đất ở làng đồng bào)		(Trong đó 160 ha là đất ở làng đồng bào)		(Trong đó 160 ha là đất ở làng đồng bào)	
1.2	Đất công cộng	49,98	9,16%	61,68	9,49%	60,93	9,19%
1.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	18,14		22,5		21,75	
1.2.2	Đất giáo dục - đào tạo, văn hóa	27,18		31,59		31,59	
1.2.3	Đất y tế	4,66		7,59		7,59	
1.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	34,08	6,24%	47,78	7,35%	47,78	7,21%
1.4	Đất cơ sở thương mại - dịch vụ, Sản xuất kinh doanh	8,45	1,55%	14,89	2,29%	14,89	2,29%
1.5	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	85,26	15,62%	91,5	14,08%	91,5	13,81%
II	Đất khác	1.575,54	100%	1.471,29	100%	1.458,59	100%
2.1	Đất an ninh, quốc phòng	7,76	0,49%	13,27	0,90%	13,27	0,91%
2.2	Đất thuộc khu phức hợp tại huyện Đăk Doa (theo QĐ 474 của UBND tỉnh Gia Lai)			52,61	3,58%	52,61	3,61%
2.3	Đất dự phòng phát triển đô thị	30,12	1,91	120	8,16%	110	7,54%
2.4	Đất sông, ngòi, suối, mặt nước	1.390,67	88,27%	1.086,55	73,84%	965,63	66,20%
2.4.1	Đất lúa	241,35		238,61		238,61	
2.4.2	Đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật	1.149,32		847,72		727,02	
2.5	Đất bãi bợp					118	8,09%
2.6	Đất tôn giáo, nghĩa trang, nghĩa địa	14,72		14,72		14,72	1,01%
2.7	Đất mặt nước	23,66	1,50%	23,66	1,61%	23,66	1,62%
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	108,61	6,89%	108,7	10,92%	108,7	11,02%
B	Đất khác ngoài địa giới hành chính thị trấn			711,22		862,34	
1	Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp			230		365	
2	Đất thuộc khu phức hợp tại huyện Đăk Doa (theo QĐ 474 của UBND tỉnh Gia Lai)			448,52		464,64	
3	Khu nghĩa trang, Bãi xử lý rác thải			32,7		32,7	